TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Phụng và bà Đào Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc "tranh chấp về ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 288/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 284/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1982; địa chỉ: tổ H, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên lạc: số A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; có văn bản xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trương Minh H, sinh năm 1981; địa chỉ: tổ H, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Bà M và ông Trương Minh H do quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân lần thứ nhất của cả hai, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang, được cấp giấy chứng nhận số 337 ngày 16/11/2001, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do không tôn trọng nhau, tính tình không hợp nhau, cả hai cố gắng tìm cách hàn gắn nhưng không thể nào sống chung được nữa và không còn sống chung từ tháng 4/2021 đến nay. Nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông Trương Minh H;

Về con chung: có 02 con chung tên: Trương Minh C, sinh ngày 28/10/2001 (đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết); Trương Quang T, sinh ngày 10/5/2009, đang sống với ông H, khi ly hôn đồng ý để ông H được tiếp tục nuôi; về tài sản chung: không có và về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Trương Minh H không gửi ý kiến cho Tòa án, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Tuyết M khởi kiện vụ án tranh chấp về ly hôn với ông Trương Minh H. Ông H có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bà Nguyễn Thị Tuyết M, có đơn xin vắng mặt; ông Trương Minh H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Trương Minh H là hợp pháp vì ông bà có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà sống không hợp nhau, theo nguyên đơn trình bày là do không tôn trọng nhau, tính tình không hợp nhau, cả hai cố gắng tìm cách hàn gắn nhưng không thể nào sống chung được nữa và không còn sống chung từ tháng 4/2021 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng bà M xin ly hôn với ông H, bà M, ông H không còn sống chung đến nay là một khoảng thời gian dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chính vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho nên Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết M xác định vợ chồng có 02 con chung: Đối với Trương Minh C, sinh ngày 28/10/2001 theo nguyên đơn bà M trình bày đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến; Đối với Trương Quang T, sinh ngày 10/5/2009, đang sống với ông H, khi ly hôn bà M đồng ý để ông H được tiếp tục nuôi. Xét thấy, con chung là cháu Trương Quang T, đang được ông H chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định, bà M không tranh chấp việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu cho ông H được tiếp tục nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết M khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết M khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết M.

1) Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Tuyết M ly hôn với ông Trương Minh H.

2) Về quan hệ con chung: Ông Trương Minh H được tiếp tục nuôi con chung là Trương Quang T, sinh ngày 10/5/2009. Bà Nguyễn Thị Tuyết M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trương Minh H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Thị Tuyết M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3) Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết M khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

4) Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết M khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

5) Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0024296 ngày 18/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Thị Tuyết M đã nộp đủ.

6) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND xã A, huyện C, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng